

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/02/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Ông Nguyễn Hữu Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HN ngày 05/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HN ngày 25/01/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1975 (*Có mặt*).

* *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1975 (*Vắng mặt, không có lý do*)

Cùng cư trú: Ấp 10 C A, xã Đ H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày và yêu cầu như sau: Bà và ông Phạm Văn T chung sống với nhau từ năm 1992. Trước khi chung sống thì ông bà có tìm hiểu nhau trước rồi mới tiến tới hôn nhân nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi đám cưới, ông bà về sinh sống tại ấp 10 C A, xã Đ H cho đến năm 2012 thì ly thân cho đến nay.

Trong quá trình chung sống thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm, tính T không hòa hợp thường xuyên xảy ra cự cãi, ông T không quan tâm lo lắng cho vợ con.

- *Về con chung*: Có 04 con chung cháu Phạm Thị Th (sinh ngày 05/5/1993), cháu Phạm Văn Tr (sinh ngày 05/5/1995), cháu Phạm Văn H (sinh ngày 18/10/2005) và cháu Phạm Thanh Th1 (sinh ngày 19/6/2013). Hiện nay, cháu Th và cháu Tr đã trưởng thành; cháu H và cháu Th1 đang chung sống cùng bà Đ.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp.

Do xét thấy hôn nhân của ông bà không thể hàn gắn được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- *Về quan hệ con chung*: Hiện nay cháu Th và cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và cháu Th1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn T không có lời trình bày.*

* *Tại phiên tòa:*

- *Bà Đ*: Yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T; yêu cầu được nuôi 02 cháu Hiếu và cháu Thảo, không yêu cầu ông T cấp dưỡng; tài sản và nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- *Ông T*: Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Võ Thị Đ và ông Phạm Văn T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Võ Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi bà Đ khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì ông T đang cư trú và sinh sống tại ấp 10 C A, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng ông T luôn vắng mặt, HĐXX xét thấy trường hợp vắng mặt của ông T không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị Đ và ông Phạm Văn T chung sống từ năm 1992 nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú*) và cho đến khi bà Đ có đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn đối với ông T thì ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Như vậy, ông bà đã vi phạm theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc dù ông bà chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đ và ông T.

[3] *Về quan hệ con chung*: Bà Đ xác nhận, trong quá trình chung sống ông bà có 04 người con chung là cháu Phạm Thị Th (*sinh ngày 05/5/1993*), cháu Phạm Văn Tr (*sinh ngày 05/5/1995*), cháu Phạm Văn H (*sinh ngày 18/10/2005*) và cháu Phạm Thanh Th1 (*sinh ngày 19/6/2013*). Hiện nay, 02 cháu Th và cháu Tr đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu H và cháu Th1 của bà Đ, HĐXX xét thấy yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu (*theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng ngày 30/6/2020*) nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đ xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Đ và ông T thì ông bà vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Đ phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Võ Thị Đ và ông Phạm Văn T là vợ chồng.

2/ *Về con chung:* Tiếp tục giao 02 cháu Phạm Văn H (sinh ngày 18/10/2005) và cháu Phạm Thanh Th1 (sinh ngày 19/6/2013) cho bà Đ trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (*hiện nay cháu H và Th1 đang chung sống cùng bà Đ*).

Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, bà Đ có quyền yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Ông T không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Đ thì bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

3/ *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Võ Thị Đ chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0005965 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Bà Đ đã nộp án phí xong.

4/ *Quyền kháng cáo:* Bà Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 18/02/2021*).

Ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh